

Bản án số: 53/2025/DS-PT

Ngày 12 – 02 – 2025

V/v chia di sản thừa kế là quyền  
sử dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Lập

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 476/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 327/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 357/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm T, sinh năm 1954 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1956 (Có mặt);

2. Bà Trương Thị N, sinh năm 1958 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn K:* Ông Nguyễn Văn N1, là Luật sư của Văn phòng L3 - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (Có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1951 (Vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1953 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1959 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Nguyễn Tuyết L, sinh năm 1962 (Vắng mặt);
  5. Ông Nguyễn Văn T2 (Vắng mặt);
  6. Ông Nguyễn Hoàng A (Vắng mặt);
  7. Bà Nguyễn Yên H (Vắng mặt);
  8. Ông Nguyễn Văn H1 (Vắng mặt);
- Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

9. Bà Nguyễn Thị H2 (Vắng mặt);
- Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

10. Ông Phạm Minh T3 (Vắng mặt);
  11. Bà Phạm Thị N3, sinh năm 1967 (Vắng mặt);
  12. Bà Nguyễn Hồng V, sinh năm 1966 (Vắng mặt);
  13. Anh Phạm Minh S1, sinh năm 1993 (Vắng mặt)
  14. Anh Phạm Tuấn V1, sinh năm 1996 (Vắng mặt);
- Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

15. Chị Phạm Xuân T7, sinh năm 1992 (Vắng mặt);
- Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị N, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo ông Phạm T trình bày:

Ông ngoại của ông T tên Nguyễn Thiện L1 có hai vợ: Người vợ thứ nhất tên Tăng Thị S2, ông L1 với bà S2 có 03 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T4 (đã chết), ông Nguyễn Văn T5 (đã chết), bà Nguyễn Thị T6 (là mẹ của ông T, đã chết). Người vợ thứ hai tên Võ Thị L2, ông L1 với bà L2 có 06 người con gồm: Ông Nguyễn Hoàng N2, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B (đã chết), bà Nguyễn Hồng T1, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Tuyết L.

Lúc còn sống ông L1 với bà S2 có tạo lập được phần đất diện tích 2.845m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Tăng Thị S2 chết ngày 08/6/1993, ông Nguyễn Thiện L1 chết ngày 01/6/1998, bà Võ Thị L2 chết ngày 02/9/2013, khi chết không để lại di chúc. Năm 2023, vợ chồng ông K có trao đổi với ông N2, ông S, bà T1 và bà L đồng ý để cho vợ chồng ông K đứng tên làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ông L1 và bà S2 để lại, sau khi làm giấy xong sẽ phân chia lại cho ông T ½ diện tích, vì ông T thờ cúng bà Tăng Thị S2. Việc vợ chồng ông K làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T không hay; sau khi vợ chồng ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không thực hiện việc phân chia phần đất cho ông T như đã trao đổi. Ông T có yêu cầu địa phương hòa giải nhưng không thành, vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 2.845m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo quy định pháp luật.

- Theo ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông Nguyễn Văn K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T vì phần đất diện tích 2.845m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc của cha mẹ ông là ông Nguyễn Thiện L1 và bà Võ Thị L2 tạo lập trước năm 1975, chứ không phải của ông Nguyễn Thiện L1 và bà Tăng Thị S2 như ông T trình bày. Từ khi tạo lập phần đất này thì cha mẹ ông quản lý sử dụng đến năm 1995 tặng cho lại vợ chồng ông, vợ chồng ông đăng ký kê khai quản lý sử dụng, đến năm 2023 được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.845m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, việc đăng ký cấp quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông là hợp pháp, đúng theo quy định pháp luật.

Từ khi được cha mẹ tặng cho đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, vợ chồng ông sử dụng ổn định liên tục không tranh chấp với ai, cũng không ai ngăn cản hoặc đòi lại đất để chia thừa kế. Ông T yêu cầu chia thừa kế phần đất này nhưng ông T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là di sản thừa kế, trong khi đây là tài sản thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông, việc ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là không có cơ sở nên ông không đồng ý với yêu cầu của ông T.

- Theo bà Trương Thị N trình bày:

Bà Trương Thị N và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng, bà N thống nhất với lời trình bày của ông K về nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng đất. Bà N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Theo ông Nguyễn Hoàng N2, ông Phạm Minh T3, bà Phạm Thị N3, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Hồng V trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông T với ông K, bà N trước đây là của ông Nguyễn Thiện L1 và bà Tăng Thị S2. Do đất không có giấy tờ, ông L1 và bà S2 chết không để lại di chúc, con cháu đông, nên các anh, em, cô chú thống nhất để ông K đứng ra làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong giấy sẽ chia lại cho ông T ½ diện tích, vì ông T thờ cúng bà S2 từ trước đến nay. Nhưng khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K không thực hiện chia đất cho ông T nên xảy ra tranh chấp yêu cầu phân chia thừa kế. Nếu được phân chia thừa kế, ông Nguyễn Hoàng N2, ông Phạm Minh T3, bà Phạm Thị N3, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Hồng V đồng ý nhận và giao lại cho ông T hưởng, ngoài ra không ý kiến gì khác.

- Theo ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông Nguyễn Văn S là anh ruột ông Nguyễn Văn K, là con ông Nguyễn Thiện L1 và bà Võ Thị L2. Theo ông được biết phần đất tranh chấp trước đây do ông L1 và bà L2 tạo lập. Ông L1 và bà L2 chết không để lại di chúc, do khi còn sống ông K là người nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cho ông K quản lý sử dụng. Đến năm 2023, ông K làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông có ký vào biên bản xác minh nguồn gốc đất, từ chối nhận phần di sản thừa kế và đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K. Nay ông vẫn giữ nguyên ý kiến giao phần đất này cho ông K quản lý sử dụng, trường hợp Tòa án chia thừa kế thì

ông đồng ý nhận và giao lại cho ông K hưởng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông không đồng ý.

*- Theo bà Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Tuyết L trình bày:*

Bà Nguyễn Hồng T1 và bà Nguyễn Tuyết L là con ông Nguyễn Thiện L1 và bà Võ Thị L2, bà L2 là vợ sau của ông L1.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông T với ông K, bà N trước đây là của ông L1 và vợ trước là bà Tăng Thị S2 tạo lập, đất chưa có giấy tờ nên từ trước đến nay không ai sử dụng canh tác trên đất.

Năm 1950, ông L1 có vợ hai là bà Võ Thị L2, ông L1 và bà L2 tạo lập chỗ ở mới sống tại ấp B, xã H, thành phố C. Năm 1998, ông L1 chết không để lại di chúc. Do phần đất ông L1 và vợ trước là bà Tăng Thị S2 tạo lập nhưng chưa được cấp giấy tờ nên anh em có họp lại và thống nhất cho ông Nguyễn Văn K và vợ là Trương Thị N đứng ra làm giấy, khi đó ông K và bà N hứa sẽ chia lại cho ông T 1/2 diện tích đất để thờ cúng bà Tăng Thị S2.

Năm 2023, ông K và bà N làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thừa kế, nhưng từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay ông K và bà N không thực hiện chia lại cho ông T theo lời đã hứa mà lập hợp đồng để chuyển tên sang cho con ông K và bà N thì bị ngăn cản.

Khi ông K và bà N làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không để nguồn gốc đất của bà Tăng Thị S2 mà để nguồn gốc đất của bà Võ Thị L2 là không đúng, ông K không chia cho ông T là người đã nuôi dưỡng và thờ cúng bà Tăng Thị S2 là không phù hợp, trái với với sự tin tưởng của anh em, dòng họ đã bàn bạc thống nhất trước đó. Nay bà Nguyễn Hồng T1 và bà Nguyễn Tuyết L thống nhất chia cho ông T 1/2 diện tích đất 2.845m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Riêng đối với phần thừa kế của bà T1 và bà L thì bà T1 và bà L từ chối nhận.

*- Theo bà Nguyễn Yến H trình bày:*

Bà Nguyễn Yến H xác định không liên quan gì đến vụ kiện nên từ chối làm việc với Tòa án, từ chối nhận văn bản tố tụng và khước từ tham gia tố tụng tại vụ án.

*- Theo ông Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Phần đất tranh chấp thừa kế giữa ông T với ông K, bà N thì ông không yêu cầu gì, ông từ chối nhận phần di sản thừa kế nêu trên.

*- Theo bà Nguyễn Thị H2 trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H2 là con của ông Nguyễn Văn T5 và là chị bà con với ông T. Về nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông T với ông K, bà N thì bà không được rõ vì khi đó bà còn nhỏ, đến khi lớn thì bà lấy chồng về sinh sống tại ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu cho đến nay. Việc ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất trên thì bà đồng ý, nếu bà được phân chia phần thừa kế thì bà từ chối nhận.

*- Theo anh Phạm Minh S1 và anh Phạm Tuấn V1 trình bày:*

Anh Phạm Minh S1 và anh Phạm Tuấn V1 là con ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Hồng V. Ông C chết ngày 14/5/2021, hiện các anh đang sinh sống cùng

với bà V. Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau thì anh S1 và anh V1 thống nhất đối với yêu cầu của ông T; trường hợp các anh được phân chia thừa kế đối với phần đất này thì các anh từ chối nhận.

- Theo chị Phạm Thị Xuân T7 trình bày:

Chị Phạm Thị Xuân T7 là con ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Hồng V. Phần đất tranh chấp giữa ông T với ông K, bà N theo chị được biết có nguồn gốc của ông Nguyễn Thiện L1 và bà Tăng Thị S2. Chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông T; trường hợp chị được phân chia thừa kế đối với phần đất này thì chị từ chối nhận.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 327/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:*

Di sản thừa kế là phần đất diện tích 2.845m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm T, chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Ông Phạm T được nhận phần đất diện tích 1.570,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 48, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, phần đất được giới hạn bởi các mốc M1M2'M4'M5M6M7 theo bản biên tập "Trích đo hiện trạng" ngày 11/9/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Ông Nguyễn Văn K được nhận phần đất diện tích 1.274,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 48, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, phần đất được giới hạn bởi các mốc M2'M2M3M4M4' theo bản biên tập "Trích đo hiện trạng" ngày 11/9/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Buộc ông Phạm T có nghĩa vụ hoàn trả chi phí san lấp cho ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị N số tiền 66.243.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm T chi phí đo đạc, định giá số tiền 7.692.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/10/2024, ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị N có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thuần .

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn K giữ nguyên kháng cáo, bà Trương Thị N vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư N1 phát biểu: Nguồn gốc đất là do ông L1 và bà L2 tạo lập, đến năm 1995 ông L1 tặng cho lại ông K, ông K đứng tên mục kê năm 2009. Năm 2003, ông K chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị X phần đất ngang 09m, dài 12m nhưng không có ai ngăn cản, tranh chấp. Đến năm 2022 ông K đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp năm 2023, nên phần đất không còn là di sản thừa kế như ông T yêu cầu. Từ năm 1995 ông K là người quản lý đất, sau khi được cấp quyền sử dụng đất thì ông K đã san lấp mặt bằng. Tại biên bản xác

minh nguồn gốc đất có ông T ký tên nguồn gốc đất do ông L1, bà L2 tạo lập. Trong vụ án có một số người liên quan không có yêu cầu độc lập, không nộp tạm ứng án phí nhưng án sơ thẩm chia thừa kế và giao cho ông T hưởng là không phù hợp. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử cấp nhận kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông K phát biểu: Thống nhất ý kiến tranh luận của Luật sư N1 nhưng bổ sung thêm: Năm 2003 ông chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị X phần đất ngang 09m, dài 12m, có các anh, chị, em thống nhất ký tên đồng ý cho ông chuyển nhượng.

Ông T phát biểu: Không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh phần đất do ông L1 và bà L2 tạo lập và tặng cho ông K; yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định ông Nguyễn Thiện L1 có hai vợ, người vợ thứ nhất tên Tăng Thị S2 và người vợ thứ hai tên Võ Thị L2.

[2] Về nguồn gốc đất yêu cầu phân chia thừa kế theo ông T trình bày, khi ông L1 sống chung với bà S2, ông L1 và bà S2 có tạo lập được phần đất theo đo đạc thực tế diện tích là 2.845m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Đối với ông K và bà N cho rằng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích là 2.845m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc do ông L1 và bà L2 tạo lập được sau khi ông L1 và bà L2 chung sống với nhau.

[3] Xét lời trình bày của các bên đương sự về nguồn gốc đất, thấy rằng:

[3.1] Sinh thời ông Nguyễn Thiện L1 có hai vợ là thực tế, điều này đã được các đương sự cùng thừa nhận, cụ thể người vợ thứ nhất của ông L1 tên Tăng Thị S2, ông L1 với bà S2 có 03 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T4, ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị T6 (là mẹ của ông T); người vợ thứ hai của ông L1 tên Võ Thị L2, ông L1 với bà L2 có 06 người con gồm: Ông Nguyễn Hoàng N2, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Tuyết T8, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Tuyết L.

[3.2] Tại đơn trình bày ý kiến ngày 30/8/2024 của ông Nguyễn Hoàng N2 (là con ông L1 và bà L2), ông Phạm Minh T3 và bà Phạm Thị N3 (là các con bà T6), bà Nguyễn Hồng V (là vợ ông C, con bà T6), ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Hoàng A (là các con ông T5); Văn bản trình bày ý kiến ngày 30/8/2024 của bà Nguyễn Hồng T1 và bà Nguyễn Tuyết L (là con ông L1 và bà L2); Bản tự khai ngày 04/9/2024 của chị Phạm Thị Xuân T7 (là con ông C, cháu bà T6), đều xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp thừa kế giữa ông T với ông K và bà N có diện tích là 2.845m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố

C, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc do ông L1 và bà S2 tạo lập được trong thời gian ông L1 và bà S2 chung sống với nhau. Lời trình bày của các đương sự nêu trên là phù hợp với trình bày của ông K tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 03/01/2024, thừa nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp thừa kế do ông L1 và bà S2 tạo lập.

[3.3] Đối với ông Nguyễn Văn S trình bày không xác định được nguồn gốc phần đất do ông L1 và bà S2 hay ông L1 và bà L2 tạo lập. Đối với bà Nguyễn Yên H, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 (là các con ông T5), anh Phạm Minh S1 và anh Phạm Tuấn V1 (là các con ông C, cháu bà T6) có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu tranh chấp thừa kế giữa ông T với ông K và bà N, các đương sự cũng không phản đối ý kiến của ông T cho rằng phần đất tranh chấp thừa kế diện tích 2.845m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc do ông L1 và bà S2 tạo lập.

[3.4] Mặc khác, ông Nguyễn Hoàng N2, ông Phạm Minh T3, bà Phạm Thị N3, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Hồng V, bà Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Tuyết L còn trình bày do đất không có giấy tờ, khi ông L1 chết không để lại di chúc, con cháu đông, nên anh, em, cô, chú thống nhất đề ông K đứng ra làm giấy chứng nhận quyền sử dụng kê khai nguồn gốc đất do ông L1 và bà L2 tạo lập để thuận tiện làm giấy chứng nhận, sau khi làm xong sẽ chia lại cho ông T ½ diện tích, vì ông T thờ cúng bà S2 từ trước đến nay.

[3.5] Đồng thời, tại biên bản hoà giải ngày 28/11/2023 của ấp B, xã H, ông K trình bày: Phần đất của ông bà để lại, hợp lại thân tộc lấy ý kiến thống nhất cho ông T mà không biết là bao nhiêu mét. Tại biên bản hoà giải của ấp B, xã H ngày 09/01/2024, ông K đồng ý chia cho ông T phần đất ngang 08m và phần tam giác; ông T không đồng ý, mà yêu cầu chia 10m. Tại biên bản hoà giải ngày 17/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã H, ông K đồng ý chia cho ông T phần đất ngang 06m, dài 53,65m và góc xéo cặp lộ xi măng 04m; ông T không đồng ý.

[3.5] Hơn nữa, tại phiên toà phúc thẩm ông K còn trình bày năm 2003 ông có chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị X phần đất ngang 09 m, dài 72m; khi chuyển nhượng có các anh, chị, em của ông ký tên đồng ý cho ông chuyển nhượng. Vấn đề đặt ra, nếu phần đất ông L1 và bà L2 đã tặng cho ông K từ năm 1995 như ông K trình bày thì ông K sẽ có quyền định đoạt chuyển nhượng cho người khác, nhưng vì sao khi ông K chuyển nhượng cho bà X thì phải có các anh, chị, em của ông K ký tên đồng ý cho chuyển nhượng. Điều này chứng minh, thời điểm này phần đất vẫn còn là di sản thừa kế, nên việc ông K trình bày phần đất ông được ông L1 và bà L2 tặng cho từ năm 1995 là chưa có cơ sở.

[3.6] Đối với trình bày của ông K và Luật sư cho rằng phần đất ông K đã đứng tên Sổ mục kê từ năm 2009; tuy nhiên, việc ông K đứng tên Sổ mục kê chỉ được nêu trong biên bản xác minh về nguồn gốc đất khi lập thủ tục hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K đứng tên, nhưng hồ sơ cũng không thể hiện có Sổ mục kê như trong biên bản xác minh nguồn gốc đất đã nêu. Hơn nữa, Sổ mục kê cũng chưa phải là căn cứ pháp lý để xác định về quyền sử dụng đất của ông K đối với phần đất nêu trên.

[3.7] Từ những cơ sở trên, xét thấy lời trình bày của ông T về nguồn gốc phần đất tranh chấp thừa kế có diện tích đo đạc thực tế 2.845m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 48,

tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau do ông L1 và bà S2 tạo lập là có căn cứ. Vì vậy nội dung biên bản xác minh nguồn gốc đất, phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C thực hiện có tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 364681 ngày 31/3/2023 cho ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị N thể hiện nguồn gốc đất do ông L1 và bà L2 tạo lập là chưa đúng với thực tế, do ông K và bà N cô tình khai không đúng về nguồn gốc đất để thuận tiện khi lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 2.845m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau là di sản thừa kế của ông L1 để lại và phân chia cho ông T được hưởng diện tích 1.570,5m<sup>2</sup>; phân chia cho ông K được hưởng diện tích 1.274,5m<sup>2</sup> như Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

[4] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị N được miễn chịu án phí (được miễn dự nộp).

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 327/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thuần .

Xác định phần đất theo đo đạc diện tích 2.845m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau là di sản thừa kế của ông Nguyễn Thiện L1 để lại.

Phân chi cho ông Phạm T được nhận phần đất diện tích 1.570,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 48, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, phần đất được giới hạn bởi các mốc M1M2'M4'M5M6M7 theo bản biên tập "Trích đo hiện trạng" ngày 11/9/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Phân chia cho ông Nguyễn Văn K được nhận phần đất diện tích 1.274,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 48, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, phần đất được giới hạn bởi các mốc M2'M2M3M4M4' theo bản biên tập "Trích đo hiện trạng" ngày 11/9/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

*(Có bản biên tập "Trích đo hiện trạng" ngày 11/9/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P kèm theo).*



- Buộc ông Phạm T có nghĩa vụ hoàn trả chi phí san lấp cho ông Nguyễn Văn K và bà Trương Thị N số tiền 66.243.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm T chi phí đo đạc, định giá số tiền 7.692.000 đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán xong các khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, ông K, bà N được miễn chịu án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K và bà N được miễn chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**